



Chiến tranh và dịch bệnh trong tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang

Thái Phan Vàng Anh¹, Lê Thị Hương²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Đại học Đông Á

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 04/6/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 16/9/2025

Ngày nhận đăng: 17/9/2025

Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:

Chiến tranh

Dịch bệnh

Hiện sinh

Tự sự

Diễn ngôn

TÓM TẮT

Với ba tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ*, *Những vọng âm năm ngủ* và *Bể trắng côi*, Huỳnh Trọng Khang là một trong số ít những nhà văn sớm khẳng định được vị thế của mình trong dòng chảy của văn học Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ XXI khi vừa mới ngoài ba mươi tuổi. Chọn đề tài chiến tranh và dịch bệnh, Huỳnh Trọng Khang tỏ ra rất có bản lĩnh khi “dám” đề cập và nhận diện các vấn đề lớn của nhân loại gắn với những ưu tư hiện sinh và những trăn trở luân về kiếp sống. Để khám phá những đóng góp về đề tài, thể loại cũng như nhận diện phong cách của nhà văn sinh năm 1994 này trong thành tựu chung của văn học Việt Nam đương đại, bài nghiên cứu này tập trung vào ba vấn đề nổi bật trong tiểu thuyết Huỳnh Trọng Khang: *Chiến tranh và dịch bệnh – nỗi đau và thảm họa của loài người*; *Con người trong chiến tranh và dịch bệnh – đối diện và lựa chọn trước nghịch cảnh*; *Tự sự về chiến tranh và dịch bệnh – một diễn ngôn về những tồn tại nhân sinh*. Tiếp cận từ mỹ học hiện sinh, với các phương pháp loại hình, phương pháp cấu trúc – hệ thống, phương pháp so sánh, bài viết làm rõ cảm quan nghệ thuật, cũng như cá tính sáng tạo của Huỳnh Trọng Khang khi chọn chiến tranh và dịch bệnh làm nền để khám phá các chiều kích thân phận con người.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoài hai mươi tuổi, Huỳnh Trọng Khang đã làm văn đàn chú ý khi trình ra một tác phẩm viết về chiến tranh ở miền nam Việt Nam những năm 60, 70 của thế kỉ 20 – tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ* (2016). Không lâu sau đó, tác giả sinh năm 1994 này lại gây ấn tượng với tiểu thuyết *Những vọng âm năm ngủ* (2018), tiếp tục mô tả những vật lộn của tuổi trẻ trong bối cảnh chiến tranh. Gần đây nhất, tiểu thuyết *Bể trắng côi*, một tiểu thuyết mang tính phản tư về cõi nhân sinh trong bối cảnh của dịch bệnh Covid, một lần nữa đã chứng tỏ “bản lĩnh” tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang, một cây bút vừa qua tuổi 30 song đã dám viết và viết hay về các vấn đề lớn của nhân loại, gắn với những ưu tư hiện sinh, những trăn trở luân về kiếp sống. Với 3 tiểu thuyết trong số 6 tác phẩm gồm cả tiểu thuyết, truyện vừa, tập truyện ngắn, Huỳnh Trọng Khang là nhà văn trẻ sớm khẳng định được vị thế của mình trong đời sống văn học Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ 21.

Ở Việt Nam, đã có nhiều tác phẩm viết về đề tài chiến tranh. Tuy vậy, không có quá nhiều tác phẩm viết về chiến tranh và tình yêu, chiến tranh và những hoang mang tuổi trẻ. Trong những năm Covid, cũng không phải không có những tác phẩm kể về các câu chuyện gắn liền với dịch bệnh. Song, hiếm có tác phẩm nào xem dịch bệnh như đề tài để nhận diện những hành trình kiếm tìm hiện sinh trong mối quan hệ giữa đời và đạo, giữa hiện thực và tôn giáo. Chọn hai đề tài lớn, chiến tranh và dịch bệnh, lại chọn một lối đi riêng, đề cập đến những khía cạnh hiện sinh của con người, Huỳnh Trọng Khang một mặt vừa “làm mới” đề tài “kinh điển” trong văn chương Việt Nam và thế giới, một mặt khẳng định sự thống nhất trong lối viết, trong cảm hứng nghệ

thuật của tác giả khi lựa chọn đóng đỉnh mình vào khuynh hướng tiểu thuyết hiện sinh. Trong bối cảnh chưa có nghiên cứu học thuật nào về tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang, việc tiếp cận từ mỹ học hiện sinh, với các phương pháp loại hình, phương pháp cấu trúc – hệ thống, phương pháp so sánh để làm rõ cảm quan nghệ thuật, cũng như cá tính sáng tạo của Huỳnh Trọng Khang là cần thiết. Bài báo, vì vậy, không chỉ có đóng góp khi nhận diện một hiện tượng văn học tiêu biểu của các nhà văn Việt Nam thế hệ 9x; mà còn khẳng định việc giải mã các đề tài văn học có tính nhân loại, từ việc tiếp cận lý thuyết các lý thuyết văn học hiện đại luôn là một hướng nghiên cứu văn học giàu tính khả thi.

2. NỘI DUNG

2.1. Chiến tranh và dịch bệnh – nỗi đau và thân phận của loài người

Không phải ngẫu nhiên mà chủ nghĩa hiện sinh ra đời và phát triển xung quanh các cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thế giới thứ hai. Trong bối cảnh đó mà các quốc gia bị lôi kéo vào các cuộc thế chiến như Đức, Pháp, Nga, Nhật... lại có những tác phẩm văn học hiện sinh tiêu biểu. Chiến tranh làm lộ ra sự bất toàn, phi lý của đời sống. Chiến tranh cũng là nguyên nhân khiến kiếp người trở nên mong manh, vô nghĩa lý. Các tác phẩm viết về chiến tranh, vì vậy, thường giàu tinh thần hiện sinh, cho thấy nhà văn có ý thức hay không có ý thức đưa các triết lý, quan niệm hiện sinh vào các tác phẩm của mình. Nhà văn Đức Erich Maria Remarque đã gây xúc động cho cả thế giới khi kể về số phận của một toán lính sống sót trong chiến tranh ở tiểu thuyết *Phía Tây không có gì lạ*, một trong những tiểu thuyết xuất sắc nhất về thế chiến thứ nhất. Remarque tiếp tục chạm đến các vấn đề cốt lõi của hiện sinh đời người với tiểu thuyết *Thời gian để sống và thời gian để chết*; giúp thế giới biết rằng không phải người Đức nào cũng khát máu và không phải người Đức thì không đau đớn, mất mát vì chiến tranh. Những suy tư, những ước mơ và thái độ “phản chiến” của Ernst Graeber, một người lính Đức quốc xã, vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến người đọc có một cái nhìn khác về chiến tranh, về số phận của người lính. Hiện tượng Erich Maria Remarque đã chứng minh rất rõ rằng tiểu thuyết đề tài chiến tranh là mảnh đất màu mỡ cho những suy tư hiện sinh, cho những diễn ngôn thân phận được cất tiếng.

Chọn đề tài chiến tranh, Huỳnh Trọng Khang đã góp thêm những tiếng nói về thân phận con người, thân phận tình yêu cùng những hoang mang của một thế hệ tuổi trẻ lạc lối những năm 60, 70 ở miền Nam Việt Nam. Huỳnh Trọng Khang đã có một lựa chọn táo bạo khi tái hiện lại một giai đoạn lịch sử đặc biệt của dân tộc Việt Nam, một giai đoạn đầy biến động vẫn chưa được khai thác nhiều trong văn học bởi những nhạy cảm chính trị và những góc nhìn khó có thể bao quát toàn cảnh. Sự sụp đổ của chính quyền Việt Nam cộng hòa; sự hoảng loạn của binh sĩ trong ngày chế độ sụp đổ; sự lo lắng, hoang mang của người dân về một ngày mai “khác” với những năm tháng hiện tại mà họ thuộc về; hay những đô nát của đô thị và thời cuộc cùng sự tàn phá của chiến tranh. Tất cả tạo nên một không khí thời đại mà những ưu tư hiện sinh của con người để có cơ hội được hiển lộ rõ rệt nhất trong đời sống. Bối cảnh ấy không dễ cho một tác giả thế hệ 9X có thể hình dung, cảm nhận và hiểu đúng. Nhưng bối cảnh ấy lại thuận lợi để người viết khai thác sâu các phương diện hiện sinh của đời người. Chọn tái hiện chiến tranh và phận người trong bối cảnh xã hội miền Nam những năm 60, 70 của thế kỷ 20 ở Việt Nam, Huỳnh Trọng Khang có cơ hội để làm rõ các câu chuyện liên quan đến thân phận con người, thân phận lịch sử, thân phận dân tộc. Tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ* và *Những vọng âm năm ngủ* tràn đầy những câu chuyện, những tiếng nói thân phận như thế.

Tôi, người kể chuyện, cũng là nhân vật chính trong tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ*, khi quan sát và dự phần vào cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam vào những ngày đầu đã tuyên bố: “Trước mặt chúng tôi là cuộc chiến, sau lưng chúng tôi là cuộc chiến, ở giữa là tôi và em. Giữa những cuộc chiến là tình yêu. Chỉ có tình yêu thôi” (Khang, 2016, p. 135). Cái ngây thơ và hào hứng của tuổi trẻ khiến chàng trai hai mươi tuổi đi bên lề cuộc chiến này tin rằng tình yêu, tình người có thể vượt lên những bạo tàn của chiến tranh. Song, cũng là anh, vào những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến đã chua chát nhận ra: “Trước mặt tôi là chiến tranh, sau lưng tôi là chiến tranh, nhưng giữa chiến tranh không phải là tình yêu, giữa chiến tranh là hận thù” (Khang, 2016, p. 224). Dẫu có thể “hận thù nào cũng dễ xóa hơn tình yêu”, song nỗi đau luôn là cái còn lại mãi sau mỗi cuộc chiến cùng những chấn thương tâm hồn, thể xác, bất kể anh thuộc về phía bên này hay phía bên kia, là tội đồ hay là nạn nhân của cuộc chiến. Với hai cuốn tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ* và *Những vọng âm năm ngủ*, Huỳnh Trọng Khang đã chọn lựa tái hiện bối cảnh cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam cuối thập niên sáu mươi và vào những tháng ngày trước sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, để nhìn sâu vào nỗi đau chiến tranh, nỗi đau của những thân phận bị đẩy về hai chiến tuyến, hay bị mất nhân dạng, nhân thân sau cuộc chiến.

Không chỉ viết về chiến tranh, Huỳnh Trọng Khang còn viết về dịch bệnh, một đề tài cũng vô cùng thuận lợi để nhìn thấu những mảnh vỡ hiện sinh của con người. Không đưa dịch bệnh trở thành nhân vật trung tâm của tiểu thuyết như *Dịch hạch* của Alber Camus, tiểu thuyết *Bể trắng* coi xem dịch bệnh là môi trường để nhận diện số phận con người trong những lễ vô thường của cuộc sống. Tinh thần hiện sinh vì vậy đậm đặc trong tác

phẩm này, nhất là khi tác giả còn nhìn thân phận con người từ cảm quan Phật giáo. *Bể trắng côi* cũng khá lạ khi không nhận diện đời sống hiện sinh của các nhân vật chính - chú tiểu công hầu cốt sự phụ đến Mạo Sơn và mắc kẹt trong dịch bệnh, hay nhà sư Huyền Trang trong hành trình thỉnh kinh đã thấu rõ những bi thảm của con người trong dịch dã – mà từ điểm nhìn của hai nhà sư này để chiêm nghiệm về lẽ hiện tồn của con người, đặc biệt là trong một nghịch cảnh như dịch bệnh với những cái chết tập thể, với sự mong manh, hữu hạn của kiếp người, với sự trỗi dậy của cái ác, cái vô minh. Những cái chết diễn ra trong cô độc. Những đám tang không có người đưa tang. Những chém giết, ăn thịt lẫn nhau khi con người chỉ còn lại phần hoang dã, bản năng trong những tranh đoạt để giành sự sống ở nơi cận kề cái chết... Cái tội nghiệp của phận người đã được Huỳnh Trọng Khang làm rõ qua việc miêu tả cách đám đông con người đối diện với cái chết. Và ở một chiều hướng ngược lại, cái cao cả, thiện lành của con người cũng được thể hiện qua những lựa chọn trước lần ranh sống chết, khi tình yêu được đặt cao hơn sự sợ hãi, khi cái biết về bản chất hữu hạn của đời sống lớn hơn cái tham lam vô minh của bản năng. Mượn lời thoại của nhân vật để nhấn mạnh những trăn trở, ưu tư của con người về lẽ sống chết, Huỳnh Trọng Khang đã để cho các tiếng nói, các câu chuyện về thân phận được cất lên.

Như vậy, không chỉ chiến tranh mới đem lại những sinh ly, tử biệt; bệnh tật nhất là dịch bệnh cũng hủy hoại ghê gớm sự sống của con người. Với kết cấu song tuyến, *Bể trắng côi* kể về hành trình của một chú tiểu công hầu cốt của sư phụ đi tìm Sa Mạo sơn, chồng lẫn thực ảo với câu chuyện sư Huyền Trang thời Đại Đường đi thỉnh kinh tìm chân lý. Điểm đáng chú ý là cả chú tiểu của hiện tại và sư Huyền Trang của hơn 1000 năm trước đều bị thử thách lòng từ bi và kham nhẫn của mình bởi dịch bệnh, cái chết và trùng trùng lớp lớp các câu chuyện vô thường, vô minh. Với *Bể trắng côi*, Huỳnh Trọng Khang tiếp tục ghi dấu ấn của mình vào khuynh hướng tiểu thuyết hiện sinh, khi từ câu chuyện dịch bệnh, nhận diện thảm kịch của loài người, cùng với hai tiểu thuyết *Mộ phận tuổi trẻ* và *Những vọng âm nằm ngủ* trước đó, khẳng định sự thống nhất về tư duy tiểu thuyết trong những lựa chọn đa dạng về đề tài, thủ pháp, góp thêm một cách nhìn về đề tài chiến tranh và dịch bệnh trong văn chương của nhân loại, bên cạnh các cây bút tên tuổi như Erich Maria Remarque, Alber Camus...

Chọn đề tài chiến tranh và dịch bệnh, tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang đề cập nhiều đến các trạng huống sống bất thường của con người. Vị trung tướng, bố của nhân vật tôi, người kể chuyện trong tiểu thuyết *Mộ phận tuổi trẻ*, người “không bảo hoàng, không cộng hòa, cũng chẳng cộng sản”, dường như chỉ “chiến đấu để duy trì sự sống của chính ông, để nuôi dưỡng niềm kiêu hãnh riêng tây bất khả xâm phạm, để ve vuốt cái nổi cô đơn thăm thẳm đè nặng trong ngực ông. Ông đã chiến đấu để không có lý do chết” (Khang, 2016, p. 14). Và quả là ông đã sống sót qua những những năm tháng nhiều biến động, sau khi chứng kiến hai người con trai lao vào chiến trường vì tuyệt vọng, chán chường và bằng cách này hay cách khác đã tự tìm đến cái chết. Tôi, người con trai cuối cùng còn lại của vị trung tướng ấy, cũng liên tục bị xô đẩy vào những tình huống bất thường: yêu My, một chiến sĩ cộng sản trá hình trong vỏ bọc nữ sinh; vì yêu mà cùng cô tham gia các phong trào học sinh sinh viên, giấu diếm thân phận con trai một vị tướng đầy quyền lực của quân đội miền Nam cộng hòa; và rồi cuối cùng đã phải chứng kiến anh trai vì đổi mạng sống cho mình mà chịu chết dưới tay cô nữ sinh anh yêu hơn tất cả. Đáng buồn thay, những bất thường của cuộc sống thời chiến lại trở thành những điều bình thường, tất yếu. Sylvia, trong tiểu thuyết *Những vọng âm nằm ngủ*, đến Việt Nam với tư cách là phóng viên chiến trường của một tờ báo. Các đồng nghiệp bảo cô là con bé may mắn, khi vừa đến Việt Nam tác nghiệp đã có ngay một vụ hay ho. Song liệu có thật may mắn không khi cô phải thấy “quá nhiều người chết, những thân người ăn mặc lịch sự, những xác quân nhân” (Khang, 2018, p. 19) khi cô phải “lật từng cái xác, không phải để tìm thấy khuôn mặt vì khuôn mặt ấy chúng tôi không còn nhận ra nữa” khi phải chứng kiến người ta không thể “nhẹ nhàng với người chết (...), họ ném, họ bắt cần giẫm đạp lên các bộ phận của tử thi”, và “dù có đeo khẩu trang thì mùi xú uế vẫn vây chặt”, nhất là từ “những cái xác thê thảm nhất đã phò hét nội tạng ra ngoài...”, khiến cô “không bao giờ ăn được các món nội tạng động vật kể từ đó” (Khang, 2018, p. 20). Cũng thật không bình thường khi trong những ngày tháng tá túc ở nhà một người xa lạ vì mắc kẹt bởi Covid, chú tiểu nhỏ trong tiểu thuyết *Bể trắng côi* đã không nghe ra một âm thanh nào, từ thành phố được mọi người gọi là “thành phố không ngủ, nơi ánh sáng không bao giờ tắt, đứng bất cứ đâu cũng có thể nghe tiếng nhạc, tiếng người nói cười, một thành phố rộng đến mức có người sống cả đời mà chưa đi hết các quận” (Khang, 2023, p. 71). Trong quan sát và cảm nhận của chú, “thành phố này thật sự rộng lớn và giờ nó trống rỗng, nên thanh âm không còn bầu vịu vào đâu được nữa” (Khang, 2023, p. 71); và thờ thối cũng thật khó khăn trong không khí tang tóc của đại dịch. Với nhà sư Huyền Trang, dịch bệnh còn khiến con người rơi vào tình trạng vô minh. Căn bệnh Huyết nhiệt ở thành Virupakkha, nơi sư Huyền Trang đi qua, đã khiến “Khủng hoảng xảy ra. Nhân loại tha hóa, giành giết nhau quyền sống. Nhân tính bị triệt tiêu. Nhân quyền bị xóa sổ. Văn minh bị đe dọa trả về số không” (Khang, 2023, p. 167). Triều đình Virupakkha cuối cùng đã quyết định hỏa thiêu những người đau ốm, hay có nguy cơ nhiễm bệnh. Những người sống sót thì đốt thư tịch để sưởi ấm, giết Heo kiên cường, đồ đồ của sư Huyền Trang, để ăn thịt và còn đòi lấy máu sư, thử tìm một cơ hội thoát khỏi móng vuốt của dịch bệnh... Có thể nói, những tình thế bất thường (đói khát, trỗi dậy thú tính, xung đột dẫn đến bạo lực, lạc lối

trong các mê cung của hiện thực, của lòng người hay đối mặt với bệnh tật, cái chết...); luôn chực chờ xuất hiện và làm đổi thay số phận của con người trong chiến tranh và dịch bệnh. Thân phận con người và bi kịch chung của nhân loại từng chút một lần lượt bị phơi bày trước thảm họa của chiến tranh và dịch bệnh qua những trang viết ám ảnh của Huỳnh Trọng Khang

Chiến tranh và dịch bệnh gắn liền với cái chết. Thảm họa lớn nhất mà chiến tranh và dịch bệnh đem lại cho con người cũng là cái chết. Có quá nhiều những cái chết trong tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang. Cái chết của tướng lĩnh và binh lính Việt Nam cộng hòa trong những ngày tàn của chế độ; cái chết của những học sinh, sinh viên trong những cuộc biểu tình đẫm máu (*Một phần tuổi trẻ*), cái chết của thường dân chạy nạn, của phụ nữ, trẻ em trong những chiếc thuyền vượt biên giới (*Những vọng âm năm ngủ*)... Những cái chết thể xác ấy vây chặt cái chết của tinh thần, của lý tưởng, của tình yêu. Cái chết không chỉ đến vì bom đạn mà còn có thể vì một cơn bệnh bất ngờ. Không ồn ào như chiến tranh, song dịch bệnh cũng là thảm họa, là cội nguồn của những cái chết âm thầm, tức tưởi. Cái chết vì dịch Covid qua cảm nhận của chú tiểu là những xác người được khiêng ra từ những ngôi nhà giăng dây, không rõ đàn ông hay đàn bà, chỉ là “một chiếc túi đen bất động, đáng sợ” (Khang, 2023, p. 145). Những người được đưa đi từ những ngôi nhà giăng dây đó cũng không chắc đã được trở về, như những người bị cách ly trong trận dịch Huyết nhiệt cả ngàn năm trước. Ám ảnh của sư Huyền Trang về “các hồ chôn tập thể khoét loang lỗ vào đất”, “những người chết bị xếp chồng lên nhau, chôn lửa hỏa táng” (Khang, 2023, p. 165) và cuối cùng bị đưa đi thật xa chờ thiên táng, thật ra cũng chẳng khác với ám ảnh của chú tiểu ở thời hiện đại khi chỉ một mình chú đã phải lần lượt chứng kiến và đón nhận cái chết gần như của cả một gia đình, một gia đình người lạ đã cho chú ở nhờ trong những ngày dịch bệnh. Chiến tranh và dịch bệnh ở bất kì thời điểm nào cũng có chung những mất mát, những nỗi đau.

2.2. Con người trong chiến tranh và dịch bệnh – đối diện và lựa chọn trước nghịch cảnh

Nghịch cảnh là những thử thách dành cho loài người trong đời sống. Và nghịch cảnh do chiến tranh, dịch bệnh là những thử thách khủng khiếp nhất, phơi bày cái tội nghiệp của con người trong những tồn tại hiện sinh. Phó mặc cho thời vận, cho cái chết; trốn chạy, tìm cách thay đổi nghịch cảnh; hay chấp nhận và tồn tại cùng nó, chọn lựa nào cũng ít nhiều đau đớn và có phần “cam chịu” như một lẽ tất yếu trong hành trình tìm kiếm bản ngã của con người. Vượt lên trên nhiều tác phẩm viết về đề tài Covid thiên về ca ngợi công cuộc chống dịch bệnh của các chiến sĩ, bác sĩ hay tình người trong những ngày cách ly (như *Đào bạo bệnh* - Đức Anh, *Những ngày cách ly* - Đào Quang Thắng, *Có nỗi buồn gieo mầm nhân ái* - Iris Lê), ghi dấu ở mảng văn học đề tài chiến tranh bên cạnh các cây bút tên tuổi (*Nỗi buồn chiến tranh* - Bảo Ninh, *Miền hoang* - Sương Nguyệt Minh, hay *Con chim Joong bay từ A đến Z* - Đỗ Tiến Thụy) tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang có được chỗ đứng trong lòng bạn đọc không hẳn chỉ nhờ đề tài “lớn”, mà còn nhờ những ưu tư hiện sinh thấm đẫm trong các tác phẩm.

Trước nghịch cảnh, con người buộc phải đối diện và lựa chọn. Song không phải ai cũng đủ sức đối diện và có được lựa chọn hợp lý. Một trong những nỗi đau khá phổ biến của con người trong chiến tranh và dịch bệnh là tình trạng mất phương hướng và lạc lối trong những loay hoay lựa chọn hiện sinh, liên quan đến các tình huống lịch sử cụ thể. Cuộc chiến đến hồi tàn ở miền Nam đầu những năm 1970, đại dịch covid với tình trạng cách ly và hàng chục ngàn người chết đầu thế kỉ XXI khiến các nhân vật trong tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang rơi vào tình trạng mất phương hướng trong đời thực và lạc lối trong những mê lộ của lý tưởng, niềm tin. Mang mối tình vô vọng, anh Tư lao vào chiến tranh mà không có chút lý tưởng, cũng chẳng màng vụ lợi và nhanh chóng trở về trong điên dại, “một sự trở về còn nghiệt ngã hơn cái chết” (Khang, 2016, p. 22). Anh đốt sách “vội về man dại, say mê của vị giáo sĩ cuồng tín trong nghi thức tế lễ ma quái cổ xưa” (Khang, 2016, p. 23) bởi “Sách vở không ngăn được chiến tranh, chẳng ngăn được người giết người, chẳng ngăn được cái tàn khốc của thời đại” (Khang, 2016, p. 23). Chữ nghĩa vô dụng trước họng súng. Tình yêu chia chiến tuyến, phòng bị và thành thù hận bởi chiến tranh (*Một phần tuổi trẻ*). Kể cả khi có tình yêu, chiến tranh cũng khiến tình yêu trở nên lạc lối. Sylvia yêu K, một người đàn ông Việt Nam. Cô dành toàn bộ thanh xuân ở một miền Nam bom đạn, đổ nát những năm cuối cùng trước sự kiện 30/4/1975 và dành cả cuộc đời còn lại để tìm kiếm, chờ đợi K. Song rốt cuộc, cái cô có từ K chỉ là một kí hiệu. Cô không biết tên thật của anh, nghề thật của anh, gia đình thật của anh. Cả cái chết và giọt máu của anh cũng lướt qua cô mà cô không hề hay biết. Sylvia lạc lối trong chiến tranh và tình yêu, cô vô vọng và vô phương trong tìm kiếm K và xâu chuỗi những sự kiện, bi kịch trong những ngày tháng cận kề cái chết (*Những vọng âm năm ngủ*). Kể cả chú tiểu nhỏ vốn có Phật là tâm đạo, cũng loay hoay trong chặng đường đến với Sa Mạo, “một địa danh thoát tục trong một thế giới siêu thực, siêu thực như cách chú vẫn chưa lấy lại được khả năng nhìn nhận vấn đề, rằng động lực nào đưa chú xuống núi, bằng cách nào chú đặt chân đến bên xe này và sắp sửa ngồi lên chiếc xe đang dần rời bên đến một nơi gần như vô định” (Khang, 2023, p. 16). Không có chỗ nào ghi từ Sa Mạo trên bản đồ Google hay trên những địa danh nhấp nháy nối nhau bằng mũi tên đỏ, bị cố định trên tấm biển điện tử báo giờ xe chạy hiện diện sặc sỡ, lặng im ở bên xe. Hành trình đi tìm Sa Mạo của chú tiểu chính là hành trình lần mò trong mê lộ.

“Chú cứ đi và đi như thế”, “cứ ba bước chú lại quay đầu một lần để vẫy tay” (Khang, 2023, p. 25). Sa Mạo từng là đích đến của Huyền Trang, là điểm đến của sự phụ - điểm cuối trong hành trình thực hành im lặng của chú. Nhưng “Còn đích của chú? Chú có định rời đi? Và đi đâu?...” (Khang, 2023, p. 16). “Chú đi. Và chú đi” (Khang, 2023, p. 18.) – một khi hành trình hiện sinh của mình chưa thể khép.

Lựa chọn chưa bao giờ là dễ dàng, nhất là lựa chọn trước các vấn đề sống chết mà chiến tranh và dịch bệnh đem lại. Không lao vào chiến tranh để quên đi cảm giác bất lực, cảm giác bị bội phản như những người anh trai, “Tôi”, con trai tướng quân, người kể chuyện trong tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ* đã chọn trốn chạy khỏi cuộc chiến. Thay vì sát cánh cùng với bạn bè trong những cuộc biểu tình đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam, đòi bầu cử tự do, đòi nhân quyền... , “Tôi” tránh xa những hơi cay, những trận đòn, những phát đạn. “Từ ghét nó, căm thù nó, tôi chuyển sang chán nó đến tận cổ. Tôi không muốn nhìn thấy nó, tôi không muốn nghe thấy nó, tốt nhất là nó nên ở ngoài kia, tránh xa tôi ra. Tôi không dẫn vật, tôi không áy náy. Bạn bè tôi đổ máu, thầy cô tôi bị bắt, tôi cũng không màng đến. Tôi không hèn, chỉ là tôi phát chán” (Khang, 2016, p.63). Song, chạy trốn vẫn không làm “Tôi” bớt chán chường và hoang mang. Như nhiều thanh niên chán chường, vô lý tưởng khác, “Tôi” trở thành một trong những đứa con lạc loài của thời đại và lao vào hưởng thụ, sa ngã, không xa lạ gì trước những vũ trường, quán bar, những rạp hát, những cuộc truy hoan và loạn lạc, ma túy và đàn bà. Chiến tranh đã khiến nhiều thanh niên trẻ sống “chỉ vì cần phải sống, chỉ vì chúng tôi lạc lối, cô đơn trong địa ngục cùng cực của cuộc đời. Bởi chúng tôi sống ở chốn tận cùng thế giới, nơi mà cuộc chiến diễn ra, nơi mà không ai cứu chúng tôi mà chúng tôi cũng không thể tự cứu mình. Chúng tôi dựng ra một thứ chủ nghĩa không chủ nghĩa, cuối cùng, chúng tôi tự hủy trong đấy” (Khang, 2016, p. 98). Và để thoát ra khỏi những chém giết, chết chóc vô nghĩa ấy, cứu cánh duy nhất của tuổi trẻ chỉ có thể là tình yêu, thay cho tự sát. Không có tình yêu, anh Tư tham chiến và bị hủy hoại đến mức phát điên và chết. Bị phản bội trong tình yêu, anh Ba trở thành người lính dũng cảm bởi cái chết chẳng hề đáng sợ với anh. Ngay cả khi đối diện với Mỹ cùng những thù hận ở cô, anh Ba đã chọn chết để bảo vệ “Tôi”, hóa giải mối thù trở trêu của con trai một trung tướng Cộng hòa với một cô nữ sinh cách mạng, mà mãi về sau “Tôi” mới nhận ra rằng “Có lẽ, anh tôi hôm đó đã chọn lựa cái chết” (Khang, 2016, p. 225). Cái chết là một sự lựa chọn khi tình yêu không còn đủ sức vỗ về con người trước những mất mát và vô nghĩa của chiến tranh.

Đối diện với những ngày tháng trống rỗng vì bom đạn, vì những cái chết cận kề, lựa chọn tình yêu trở thành lựa chọn có ý nghĩa nhất. Chọn ở lại vào thời điểm nhiễu loạn của sự kiện 30/4/1975, trong khi có khả năng rời Việt Nam từ sớm, với Sylvia, tình yêu mạnh hơn cái chết. Tình yêu đủ mạnh để Sylvia tiếp tục sống và chờ K, dù vào “11 giờ 30 ngày 29 tháng 4 năm 1975, Sylvia đã lái xe đến bệnh viện, bình thân, đau đớn. Cô biết nó là con trai, nó đang cố để rời khỏi cơ thể cô và cuối cùng nó đã chết ngay khi chào đời” (Khang, 2018, p. 158). K không trở lại, đứa con trai của họ chưa kịp đón ánh mặt trời. Nhưng những khoảnh khắc cùng K, những kí ức khi “K lúc nào cũng hôn lên cổ tôi thật dịu dàng và thật lâu, và tình yêu và chiến tranh và định mệnh và cái chết và nỗi buồn và hoài niệm và quên lãng và hi vọng và thán nán và tuyệt vọng và tuổi già và sự sống” đủ để với Sylvia, phần đời tươi đẹp nhất của cô là Việt Nam cùng những năm tháng của tình yêu, tuổi trẻ, bất chấp bóng ma của chiến tranh luôn lơ lửng trên đầu (Khang, 2018, p. 9).

Chọn chấm dứt những chuỗi ngày vô nghĩa cũng là một lựa chọn hiện sinh trong những năm tháng chiến tranh. Trong tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ*, rời bỏ đất nước cùng những hỗn loạn, đổ vỡ, “Tôi” ra nước ngoài học y khoa “không vì lý do gì ngoài chuyện tôi đã chán ngán các triết lý. Chính những học thuyết, những thứ chủ nghĩa đã chia rẽ con người trên quả đất này, đẩy họ đến cảnh chém giết nhau. Không một thứ triết học nào có thể cứu rỗi con người. Y khoa chỉ ít còn làm được việc cứu mạng con người” (Khang, 2016, p. 225). “Tôi” cũng đã phải “tập sống để quên đi những ngày tháng đau khổ, quên đi cái quá khứ, cái án chung thân đầy đọa chúng tôi từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, quên đi rằng cái lịch sử chúng tôi góp máu viết lên rốt cuộc sẽ còn thấm bút bằng máu để viết lên mãi. Và hơn hết thầy, tôi tập quên đi một cô gái, một cô gái tôi đã yêu và đã hận” (Khang, 2016, p. 225). Nhưng rồi hận thù nào cũng dễ xóa hơn tình yêu. “Tôi” đã tiếp tục sống, vì tình yêu trong tận cùng thăm sâu vẫn còn đó như một hoài niệm để cứu rỗi con người, thay vì chọn cái chết như anh Ba, khi anh buông xuôi “nhìn viên đạn như nhìn liều thuốc giải thoát anh khỏi chốn đọa đày”. Bởi, trong mắt “Tôi”, “anh đã chết nhiều năm, và cho đến lúc đó, anh vẫn chờ để được chôn cất” (Khang, 2016, p. 225).

Lựa chọn hiện sinh là những lựa chọn không dễ dàng, nhất là khi phải đối diện với nghịch cảnh, với các vấn đề sinh tử: chọn cầm súng khi đã thấy sự vô nghĩa lý của chiến tranh, hay chọn tình yêu, bất chấp mối thù giữa hai chiến tuyến; chọn thực hành sống với ý niệm tôn giáo hay chọn giữ Đạo trong tâm để cứu mình, cứu người trong dịch bệnh. Chọn cho mình đã khó, chọn cho người khác chắc chắn còn khó khăn hơn. Song, với trách nhiệm, tình yêu và những thấu hiểu lẽ đời, nhiều lựa chọn đã làm dịu đi cái khủng khiếp của chiến tranh và dịch bệnh

Trong tiểu thuyết *Bể trắng coi*, cả gia đình Cẩm đã để chú tiểu ở lại cùng họ khi lệnh giới nghiêm đã được áp dụng cho toàn thành phố, dù họ chẳng còn việc làm, chẳng còn lương thực, và chẳng có một chỗ nào để

chú tá túc, ngoài cái sân thượng không có mái che. Song, sau rớt, người đi chống dịch, người bị cách ly, chỉ còn mỗi chú tiểu ở nhà và tiễn đưa bà nội vào những giờ phút cuối. Chú cũng là người lần lượt đón nhận tro cốt, gom lại những đầu hiệu cho biết cả một gia đình đã từng hiện diện và giờ lại cùng nằm bên nhau bằng những ảnh cận kề. Bao đêm như một trong căn nhà của những người xa lạ, chú cuộn mình lại như con sâu, cái kén chỉ để lắng nghe sự cô độc. Chú coi tin tức và cầu nguyện hằng ngày song dịch không giảm đi sau mỗi lần cầu nguyện. Không sư phụ, không người xa lạ và cũng không chắc mình còn được chư Phật lắng nghe. Chú chỉ nghe rất rõ “ở dưới đáy của sự im lặng, tiếng người đang gào thét. Chú thấy những con chữ phát ra âm thanh, những ca nhiệm, những ca tử vong. Giữa hai hàng chữ là vực thẳm, từ dưới đó là tiếng thét tuyệt vọng” (Khang, 2023, p. 209). Song, sự cô độc và cái chết đang đến dần cuối cùng đã không đánh gục được chú. Chú có Bồ Tát để giữa lần ranh giữa sự sống và cái chết “chú thả lỏng cơ thể, nằm ngửa lên nhìn những đôi mắt Bồ Tát” (Khang, 2023, p. 210), chú có lời dạy của sư phụ để biết rằng “Từ xưa đến nay, không có đường nào khác, sống chỉ như mặc áo, chết cũng tợ cởi quần. Cởi quần, mặc áo là chuyện bình thường ở đời, đừng lấy đó mà đau khổ” (Khang, 2023, p. 213). Chú cũng biết khi đặt tình yêu vào giữa lòng vạn vật, tình yêu đó sẽ tan ra nhưng không mất đi. Và tình yêu, niềm tin tôn giáo đã giúp chú vượt qua những ngày tháng dịch giã – nâng đỡ cả những kiếp người hữu duyên mà chú đã gặp trong những ngày tháng cái chết không làm mất đi tình người.

2.3. Tự sự về chiến tranh và dịch bệnh – một diễn ngôn về những tồn tại nhân sinh

Một phần tuổi trẻ, Những vọng âm năm ngủ và *Bể trắng coi* là ba tiểu thuyết có cấu trúc trần thuật độc đáo và phù hợp để trình hiện những diễn ngôn về chiến tranh và dịch bệnh, về những tồn tại nhân sinh trong những trạng huống bất thường và vô thường của con người. Ở cả hai tiểu thuyết về chiến tranh, Huỳnh Trọng Khang đã sử dụng hình thức trần thuật từ ngôi thứ nhất với điểm nhìn bên trong để nhận diện những bi kịch chiến tranh từ trải nghiệm của người trong cuộc. Ở *Một phần tuổi trẻ*, “Tôi”, con trai một vị tướng của quân đội miền Nam Cộng hòa, đã từ những mất mát của gia đình và những hoang mang của cá nhân, về nên chân dung của một thế hệ tuổi trẻ mất phương hướng, khi cảm thức lưu đày trên chính quê hương trở thành tiếng vọng chung của thời đại (Khang, 2016, p.142). Ở *Những vọng âm năm ngủ*, Sylvia, từ công việc đặc thù của một phóng viên chiến trường người ngoại quốc và từ mối tình vô vọng với một người đàn ông Việt, cũng đã nhìn một miền Nam đau thương trước ngày thống nhất 30/4/1975 từ điểm nhìn vừa riêng tư vừa chân thực, gắn với sứ mạng kể lại các câu chuyện của con người trong chiến tranh. Những nỗi đau chiến tranh, những góc khuất của tâm hồn qua các diễn ngôn cá nhân trở nên sống động và ám ảnh. Đó là những khoảng cách không thể khuất lấp khi tình yêu bị xoay vần trong những mê lộ của đời sống mà sinh tử chỉ là vấn đề gang tấc. Người kể chuyện, nhân vật “Tôi” trong *Một phần tuổi trẻ* không ngừng trần trụi: “Tôi có thể yêu em trong đêm nay, có thể bên em trong đêm mai, rồi xa nhau vĩnh viễn. Sự cách bức của chúng tôi, cuộc chiến mà chúng tôi phải đối diện, sau cuộc chiến này, thứ quan trọng nhất là thứ phía sau cuộc chiến này, chúng tôi còn lại gì khi bom đạn thôi rơi?” (Khang, 2016, p. 111). Tình yêu và bạo tàn trộn vào nhau như một phân đoạn quay chậm, làm nổi rõ sự mong manh, vô thường của kiếp người:

“Neige. Chiếc dùi cui đánh tới tấp vào cơ thể cơ rút của một thanh niên. Tôi chải tóc cho Neige. Máu phun ra từ những cái đầu nứt vỡ. Tôi chải tóc cho Neige. Vòi rồng hất tung đám đông. Một cô gái bị xô bắn ra giữa đường. Hai sinh viên ôm cứng lấy nhau, những trận đòn giáng thẳng xuống đầu họ. Hai tay mặt sát lồi xệch một người bê bê máu trên đường. Một kẻ bị trói chặt tay đang gào thét. Đang giữa hồi nguy kịch. Tôi chải tóc cho Neige. Cuộc biểu tình biến thành bể máu. Tôi chải tóc cho Neige. Những tay cảnh sát đang rửa máu bám trên đường. Tôi chải tóc cho Neige. Không còn ai trước công dinh cả. Tôi chải tóc cho Neige. Ai đó hô lên, ở đây có một cái xác. Tôi chải tóc cho Neige. Tóc em dài và mượt. Đó là một buổi sáng bình thường” (Khang, 2016, p. 122).

Đó là một buổi sáng bình thường trong những ngày tháng đồ nát vì chiến tranh. Ở nơi này là tình yêu, và ở nơi kia, ngay bên ngoài nó, là cái chết. Cái bất thường đã trở nên bình thường như cuộc sống vốn phải thế. Song, liệu tình yêu thời chiến có thể bình thường bất chấp những điều bất thường đã trở nên tất yếu xung quanh? Kể chuyện bằng hình thức trần thuật camera, song không phải từ ngôi ba, mà từ điểm nhìn “bàng quan” của người trong cuộc với giọng điệu vô âm sắc, Huỳnh Trọng Khang đã lột tả được bi kịch của tình yêu, bi kịch của tuổi trẻ trong những ngày tháng vô phương trước chiến tranh và những đồ nát của lý tưởng, của tâm hồn. Có thể hạnh phúc được chẳng trong những năm tháng được xem như “một phần” của tuổi trẻ? Không nhằm tố cáo chiến tranh, không rạch ròi phân chia thiện ác, chiến tranh chỉ là một trạng huống để nhìn sâu hơn các khả thể khác nhau của những tồn tại nhân sinh.

So với *Một phần tuổi trẻ*, tiểu thuyết *Những vọng âm năm ngủ* có cấu trúc tự sự phức tạp hơn. Không chỉ kể chuyện bằng hình thức trần thuật từ ngôi thứ nhất với một điểm nhìn, một ngôi kể, *Những vọng âm năm ngủ* là tiểu thuyết đa điểm nhìn, đa người kể chuyện, đa hình thức trần thuật và vì thế bề bộn các sự kiện, tình huống, các số phận bị nhàu nát bởi chiến tranh. Số phận của Diệu, của Kiềm, của Tuấn, của Lyly..., những

nạn nhân và cả chứng nhân của thời cuộc, qua nhiều điểm nhìn, nhiều lời kể, rốt cuộc đều bị méo mó vì những chấn thương tinh thần hay thể xác. Điều phải giết người để tự giải thoát cho mình và con trai. Kiểm phải vào đời bằng mối quan hệ thể xác phi luân với người xem anh như con ruột. Tuấn tự mình giết cha mà không hay biết. Và Lyly đã không cho đứa con của cô được chào đời chỉ để “tránh cái cảnh nhìn đồng loại nó giết chóc lẫn nhau” (Khang, 2018, p. 157), để tay nó không dính máu, để khỏi phải mang tội lỗi. Nỗi khôn cùng của kiếp sống phải chăng là khi một con người bị tước đoạt quyền được trải nghiệm hiện sinh. “Không được phép sinh ra, để một đứa trẻ sinh ra chính là đã kết án chúng, chính là đã mang tội lỗi đến cho chúng, chính là đã khiến chúng trở thành những kẻ phạm tội trong chính thế giới này. Chính chúng ta tự biến mình thành kẻ phạm tội nếu để một đứa bé sinh ra, không thể, không thể, không bao giờ được thế” (Khang, 2018, p. 157). Và K, cuộc đời của K, người yêu của Sylvia cuối cùng chỉ còn lại ở những trang nhật kí ó vàng với những ghi chú bằng bút chì dần phai và những ghi chú viết bằng bút mực bắt đầu ăn mòn trang giấy. Sylvia yêu K nhưng hầu như không có gì nhiều để kể về anh. Cô không biết thân phận của anh, nghề nghiệp của anh và cả cái chết của anh vào ngày cuối cùng của cuộc chiến. Cái chết của K dưới tay của đồng đội, của chính con trai K là một khoảnh khắc mà lịch sử đã lãng quên. Những gì thuộc về K cũng không rõ ràng, đầy đủ khi Sylvia không thể tìm trang bắt đầu, càng không thể nào tìm trang kết thúc cho các câu chuyện anh ghi chép, cho cả cuộc đời K từ những trang nhật kí. “Câu chuyện hoàn toàn có thể kết thúc ở trang ba mươi và bắt đầu ở trang bốn chín, còn trang một, có thể chỉ là một mẫu vụn mà anh dán vào, từ đâu đó một câu thơ, một tấm hình quảng cáo. Lạo xào dưới những con chữ là chiến tranh” (Khang, 2016, p. 11). Chiến tranh in hằn lên mỗi phận người. Chiến tranh làm mờ đi những kiếp người từng tồn tại. Trong tiểu thuyết của Huỳnh Trọng Khang, tự sự về chiến tranh chính là tự sự về thân phận con người.

Không nặng nề như hai tiểu thuyết viết về chiến tranh, *Bể trắng coi* là những chiêm nghiệm hiện sinh từ cái nhìn của những người có Đạo, có niềm tin tôn giáo. Phải chăng vì thế mà sự sống và cái chết trong tác phẩm này được nhìn nhẹ nhàng, thấu hiểu – dấu câu chuyện về dịch bệnh không phải không khủng khiếp và đáng sợ qua những sự kiện, tình huống bất thường. Hai tuyến truyện hiện tại và quá khứ được đan cài vào nhau. Dịch Covid của hiện tại qua cái nhìn của chú tiểu và dịch Huyết nhiệt của hơn ngàn năm trước qua chiêm nghiệm của sư Huyền Trang cũng nhờ mờ thực ảo. Khác biệt về không gian, thời đại, khác biệt về văn hóa và lịch sử, song liệu nỗi đau của con người có khác nhau trước sự tàn phá của dịch bệnh, cái chết và sự phi nhân? Đi qua đại dịch và lần lượt chứng kiến những người thân ra ra đi, rất lâu sau này, chú tiểu vẫn thường tự hỏi mình “sao chú có thể sống được qua những ngày tháng đó. Cứ như thân xác đã bị một đạo linh hồn ủ dột chiếm đoạt, chú thấy mình giai đoạn đó như có một kẻ khác đang giãy chết trong lòng, một kẻ khác đang đòi tự sát trong chú. Và có lẽ kẻ khác đó đã chết. Chú thấy như chính mình đã giết kẻ khác đó” (Khang, 2016, p. 238). Phải chăng đó là cách đoạn tuyệt để chú có thể sống tiếp, như sư Huyền Trang năm xưa đã từ chối ghi chép lại đại dịch Huyết nhiệt ở thành thành Virupakkha, để chôn đi những chứng tích về sự u mê lầm lạc của con người, để khỏi phải giải thích về sự biến mất của những tên đồ đệ và nhất là khỏi phải đối diện với kí ức về trận dịch kinh hoàng, bởi nó quá đau thương để ghi vào lịch sử nhân loại. Cuốn sách duy nhất không phải kinh Phật mà chú tiểu đọc là *Đại Đường Tây Vực Ký* của Huyền Trang. Và “điều quan trọng nhất chú học ở Huyền Trang, có lẽ là cách một câu chuyện có thể được dựng lên để che đậy câu chuyện lớn hơn. Sự hủy diệt và tái sinh Một vòng tròn lớn, mà tâm của nó còn tỏa ra những vòng tròn nhỏ khác” (Khang, 2023, p. 240). Từ mà không diệt, cuộc sống và sự hồi sinh vẫn tiếp tục diễn ra từ những tro tàn, đống nát của dịch bệnh, cái chết. Tiểu thuyết *Bể trắng coi* của Huỳnh Trọng Khang đã mượn cái chết để nói cái sống, mượn sự hữu hạn của kiếp người để nói đến sự trôi chảy đời sống nhân sinh. Bằng giọng điệu nhẹ nhàng, đôi chỗ có phần hóm hỉnh, Huỳnh Trọng Khang đã kể về dịch bệnh như một phần của cuộc sống mà con người phải chấp nhận và bình thản. Như chuyện “năm ngoái, trong thảo am nhỏ trên núi, hai thầy trò nói về trận đại dịch đang bao phủ toàn thế giới, nhân loại đang bị đe dọa, thầy phát nguyện nhịn ăn một tháng để cầu cho chúng sanh qua con nguy khôn. Lúc đó, chú cũng phát nguyện nhịn ăn cùng cho đến khi nào không còn bóng dáng của dịch bệnh, nhưng được ba ngày thì không chịu nổi, lại xuống bếp lục cơm” (Khang, 2023, p. 73). Như chuyện Cầm hỏi chú tiểu cô có xinh không và chú chịu vì từ nhỏ sư phụ không dạy chú phân biệt đẹp và xấu. Chú chỉ phân tách thế giới bằng Thiện và Ác dù “Cái thiện nhiều khi không hiển lộ một vẻ đẹp nào, không mang một khuôn mặt mỹ miều”, “và cái Ác, nó cũng thế, nhiều khi đến với sự đẹp đẽ, hào nhoáng, như lời rót mật, cử chỉ tốt lành” (Khang, 2023, p. 117). Chẳng cách gì níu giữ lại được mọi cuộc đời, chú chỉ có thể “thu thập hết tên những nạn nhân mất vì covid, khắc tên họ lên những thân tre” dù “những thân tre này rồi sẽ bị đốn vào một ngày nào đó, cố nhiên. Cũng như thế giới sẽ không còn ai nhớ những người đã mất” (Khang, 2023, p. 240). Với giọng điệu nhẹ nhàng, giàu triết lý, *Bể trắng coi* đã khẳng định bản chất của những tồn tại nhân sinh: “Cuộc sống là một sự vượt qua, một sự vượt qua đầy đau đớn”, mà bất kì ai cũng phải tự dần bước để đi hết được hành trình hiện sinh với những chiêm nghiệm sâu sắc về bản ngã.

3. KẾT LUẬN

Với ba tiểu thuyết đề cập đến những vấn đề trọng tâm mà nhân loại quan tâm khi tác giả chỉ vừa mới qua tuổi ba mươi, Huỳnh Trọng Khang là một cây bút trưởng thành sớm ở thế hệ của mình. Sự già dặn ấy không chỉ thể hiện ở việc chọn đề tài về chiến tranh và dịch bệnh mà còn thể hiện ở cảm quan về đời sống và bút pháp nghệ thuật. Hoàn toàn không dễ khi từ độ tuổi hai mươi để cảm nhận không khí miền Nam Việt Nam giai đoạn 1955-1975. Cũng cần phải có một trải nghiệm Phật giáo đủ sâu để một nhà văn tuổi ba mươi có thể đưa chất Thiền vào tác phẩm và khiến những suy tư về lẽ sống chết thấm đẫm những ưu tư hiện sinh tôn giáo. Huỳnh Trọng Khang đã làm được điều này với ba tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ*, *Những vọng âm nằm ngủ* và *Bể trắng côi*. Sự lựa chọn của Huỳnh Trọng Khang cũng đã cho thấy, các nhà văn thế hệ 9X ở Việt Nam hoàn toàn có thể thành công ở những đề tài lớn về quá khứ. Đây thực sự là một tín hiệu vui cho xu hướng hội nhập với thế giới của văn học Việt Nam đương đại. Và người đọc hoàn toàn có thể tin tưởng, chờ đợi một thế hệ nhà văn 9x với những thành tựu rực rỡ, mà Huỳnh Trọng Khang là một hiện tượng tiêu biểu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aldama, F. L. (2021). "What Literature Tells Us about the Pandemic: An Interview with Frederick Aldama". *Journal of Critical Studies in Language and Literature*. 2(1), 24-27. DOI: <https://doi.org/10.46809/jcsll.v2i1.50>
- Anh, M. (2023). "Bể trắng côi: Đòi diệt rồi sinh...". Truy cập từ 06/6/2025, từ www.thanhnien.vn.
- Bảo, T.P. (2023), Huỳnh Trọng Khang: Bày xác chữ giữ hồn thương. Truy cập từ 10/6/2025, từ www.baoquangnam.vn
- Caruth, K. (2020). *Kinh nghiệm không được khẳng định: Chấn thương và những khả năng của lịch sử* (Hải Ngọc dịch). Truy cập từ 15/5/2025 từ www.nguvan.hnue.edu.vn
- Davoine, F. (2022). *Pandemics, Wars, Traumas and Literature - Echoes from the Front Lines*. Routledge.
- Goldberg, A (2006). "Trauma, Narrative and Two Forms of Death". *Literature and Medicine* 25, No. 1. (Spring 2006), pp. 122-141.
- Khang, H.T. (2016). *Một phần tuổi trẻ*. Hà Nội: Hội nhà văn.
- Khang, H.T. (2018). *Những vọng âm nằm ngủ*. Hà Nội: Hội nhà văn.
- Khang, H.T. (2023). *Bể trắng côi*. Hà Nội: Trẻ.
- Nietzsche, F. (2014). *Zarathustra đã nói như thế* (Trần Xuân Kiêm dịch). Hà Nội: Văn học.
- Trang, N.T. (2024). "Theme of pandemics in literature: From The Plague by Albert Camus to Vietnamese novels in the early 21st century". *Vietnam Social Sciences*, No 1 (66), p.109-120.
-

War and epidemic in Huynh Trong Khang's novels

Thai Phan Vang Anh¹, Le Thi Huong²

¹University of Education, Hue University

²Dong A University

ARTICLE INFO

Article history:

Received 04 June 2025

Received in revised form 16 September 2025

Accepted 17 September 2025

Published 20 October 2025

Keywords:

War

Epidemic

Existential

Narrative

Discourse

Corresponding author:

Thai Phan Vang Anh

E-mail address:

thaiphanvanganh@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

With three novels—“Mộ phần tuổi trẻ” (Grave of Youth), “Những vọng âm năm ngủ” (Sleeping Echoes), and “Bề trăng cô” (The Lonely Moon Sea)—Huỳnh Trọng Khang has emerged as one of the few young Vietnamese writers to firmly establish his position in the literary landscape of early 21st-century Vietnam, achieving this recognition in his early thirties. By choosing themes of war and pandemics, Huỳnh Trọng Khang demonstrates remarkable courage in addressing and recognizing humanity's profound existential concerns and the tribulations of life. To affirm the contributions in terms of themes, genres, and to identify the style of this 1994-born writer within the overall achievements of contemporary Vietnamese literature, this article focuses on three prominent issues in Huỳnh Trọng Khang's novels: War and pandemics – the pain and disasters of humanity; Humans in war and pandemics – confronting and choosing in adversity; Narratives about war and pandemics – a discourse on human existence. Approaching from existential aesthetics, and using typological method, structural-systematic method, and comparative method, through these arguments this paper clarifies the artistic sensibility as well as the creative personality of Huỳnh Trọng Khang when he chooses war and pandemics as the background to explore the dimensions of human fate.